

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM MỸ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2020/DS - ST  
Ngày: 11/9/2020  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoài Bảo
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  1. Ông Lê Đức Dũng.
  2. Bà Lại Thị Thúy Hằng.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Tuấn Hải, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.
- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa:* Ông Dương Văn Khánh, Kiểm sát V.

Trong ngày 11/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-DS ngày 05/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2020/QĐST-DS ngày 26/8/2020 giữa các đương sự :

*Nguyên đơn:* Ông V V T, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp 4, xã X, huyện C, Đồng Nai.

*Bị đơn:* Bà V T V, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 10, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông L V A, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 10, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai

(Nguyên đơn ông V V T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà V T V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L V A vắng mặt không có lý do)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ghi ngày 09/01/2020, các bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn ông V V T trình bày:*

Ngày 20/9/2019 ông có cho bà V T V vay số tiền 693.800.000 đồng, mục đích vay để sử dụng cá nhân, thời hạn vay là 03 tháng tính từ ngày 20/9/2019, lãi suất thỏa thuận miệng với nhau là 2% một tháng. Khi vay tiền của ông bà V có viết giấy vay tiền, ký tên và lấn tay vào giấy vay này, tuy nhiên từ khi vay cho đến nay bà V chưa thanh toán cho ông khoảng tiền nào cả, kể cả tiền gốc và lãi. Sau khi đến thời hạn trả nợ gốc và lãi, ông đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà V T V trả lại cho ông số tiền gốc và lãi đã thỏa thuận nhưng bà V T V cố tình lẩn tránh và hứa hẹn nhiều lần nhưng vẫn không chịu thanh toán.

Nay ông yêu cầu một mình bà V T V trả lại cho ông số tiền nợ gốc là 693.800.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 21/12/2019 cho đến khi Tòa án xét xử với lãi suất 10% một năm trên số tiền gốc.

*Bị đơn bà V T V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L V A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.*

*Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:*

Giấy chứng minh, sổ hộ khẩu nguyên đơn (bản sao); giấy vay tiền (Bản chính); các bản tự khai, biên bản lấy lời khai của các đương sự; Biên bản xác minh của Tòa án; Các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

*Tại phiên tòa Kiểm sát V phát biểu:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng. Việc thu thập chứng cứ của Tòa án đầy đủ. Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của Kiểm sát V về việc giải quyết vụ án: Có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông V V T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà V T V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông L V A đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 1, khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông V V T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà V T V thanh toán tiền vay 693.800.000 đồng và tiền lãi từ ngày 21/12/2019 cho đến khi Tòa án xét xử với lãi suất 10% một năm trên số tiền gốc. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập làm việc nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc của nguyên đơn nhận thấy: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 693.800.000 đồng, đồng thời cung cấp một giấy vay tiền ghi ngày 20/9/2019 có nội dung bị đơn mượn của nguyên đơn số tiền 693.800.000 đồng, nguyên đơn khai đây là chữ viết, chữ ký và dấu lấn tay của bị đơn. Tòa án đã triệu tập bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm việc nhiều lần nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, đồng thời tổng đạt thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 11/TBTA ngày 23/3/2020 cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có ý kiến, do bị đơn không có ý kiến phản đối nên các lời khai và chứng cứ của nguyên đơn đưa ra không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ những căn cứ trên xác định bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 693.800.000 đồng, do đó chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 693.800.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi với mức lãi suất 10% một năm trên số tiền 693.800.000 đồng thời hạn từ ngày 21/12/2019 cho đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử ngày 11/9/2020. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do nên cũng không có ý kiến về vấn đề này. Thấy rằng: Tại giấy vay tiền ghi ngày 20/9/2019 mà nguyên đơn cung cấp có ghi nội dung bị đơn thỏa thuận thời hạn vay là 03 tháng, không ghi nhận thỏa thuận lãi suất, nguyên đơn trình bày các bên có thỏa thuận lãi suất 2% một tháng, nhưng lại không có chứng cứ để chứng minh các bên có thỏa thuận lãi suất, nên xác định đây là trường hợp vay không có lãi, nguyên đơn có quyền yêu cầu tính tiền lãi tại thời điểm bị đơn chậm trả tiền. Do đó, căn cứ vào khoản 2, Điều 357 và khoản 4, Điều 466 Bộ luật dân sự xác định thời điểm chậm trả tiền là từ ngày 21/12/2019 đến ngày 11/9/2020 và lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự là 10% một năm trên số tiền nợ gốc. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Số tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn từ ngày 21/12/2019 đến ngày 11/9/2020 với mức lãi suất là 10% một năm trên số tiền 693.800.000 đồng là:  
 $[693.800.000 \text{ đồng} \times (8 \text{ tháng} \times 0.833\%)] + [693.800.000 \text{ đồng} \times (21 \text{ ngày} \times 0.027\%)]$   
 $= 50.168.000 \text{ đồng}.$

[5] Về tránh nhiệm trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu một mình bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến về vấn đề này, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là bà V T V thanh toán cho nguyên đơn ông V V T số tiền nợ gốc là 693.800.000 đồng và tiền lãi là 50.168.000 đồng, tổng cộng 743.968.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Đối với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ tại phiên tòa phù hợp với nhân định của hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 3, Điều 26; khoản 1, Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92, khoản 1 Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 1, khoản 3, Điều 228; các Điều: 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông V V T đối với bị đơn bà V T V về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà V T V phải thanh toán cho ông V V T số tiền 743.968.000 đồng (bảy trăm bốn mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng). (Trong đó: Nợ gốc là 693.800.000 đồng và tiền lãi là 50.168.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà V T V phải chịu 33.758.000đ (ba mươi ba triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông V V T số tiền 16.292.000đ (mười sáu triệu hai trăm chín mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0001803 ngày 15/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ.

3. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS H. Cẩm Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**ĐÃ KÝ**

**Nguyễn Hoài Bảo**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thành V hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Hoài Bảo**